

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong số thập phân 24,396 chữ số 9 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. 9 D. 90

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 9 trong số đã cho, từ đó xác định được giá trị của chữ số đó.

Lời giải

Trong số thập phân 24,396 chữ số 9 thuộc hàng phần trăm nên có giá trị là: $\frac{9}{100}$

Đáp án: B

Câu 2. 45% của 400 m là:

- A. 180 m B. 18 m C. 1 800 m D. 1,8 m

Phương pháp

Muốn tìm giá trị phần trăm của một số, ta lấy số đó nhân với số phần trăm rồi chia cho 100.

Lời giải

45% của 400 m là: $400 : 100 \times 45 = 180$ (m)

Đáp án: A

Câu 3. Số lớn nhất trong các số 760,999; 761,789; 761,879; 761,897 là:

- A. 760,999 B. 761,789 C. 761,879 D. 761,897

Phương pháp

So sánh các số đã cho để xác định số lớn nhất.

Lời giải

Số lớn nhất trong các số 760,999; 761,789; 761,879; 761,897 là: 761,897

Đáp án: D

Câu 4. Kết quả của phép tính $46,5 - 23,47$ là:

- A. 23,03 B. 23,17 C. 231,7 D. 2303

Phương pháp

Đặt tính rồi tính để tìm kết quả phép trừ hai số thập phân.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 46,5 \\ - 23,47 \\ \hline 23,03 \end{array}$$

Vậy $46,5 - 23,47 = 23,03$

Đáp án: A

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ trống $41500 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$ là:

- A. 415 B. 41,5 C. 4,15 D. 0,415

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\,000 \text{ dm}^3 = 1 \text{ m}^3$

Lời giải

$$41500 \text{ dm}^3 = 41,5 \text{ m}^3$$

Đáp án: B

Câu 6. Một bánh xe đạp có đường kính 7 dm. Khi bánh xe đạp đó lăn được 200 vòng trên mặt đất thì xe đạp đó đi được bao nhiêu mét?

- A. 879,2 m B. 219,8 m C. 439,6 m D. 307,72 m

Phương pháp

Bước 1. Tìm chu vi bánh xe = đường kính x 3,14

Bước 2. Quãng đường xe đi được = chu vi bánh xe x số vòng

Lời giải

$$\text{Chu vi bánh xe là: } 7 \times 3,14 = 21,98 \text{ (dm)}$$

Khi bánh xe đạp đó lăn được 200 vòng trên mặt đất thì xe đạp đó đi được số mét là:

$$21,98 \times 200 = 4\,396 \text{ (dm)} = 439,6 \text{ (m)}$$

Đáp án: C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính bằng cách thuận tiện:

$$5 \times 0,15 + 5 : 2 + 5 \times 0,35$$

Phương pháp

- Chuyển phép chia 2 thành phép nhân số thập phân

- Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

Lời giải

$$\begin{aligned} 5 \times 0,15 + 5 : 2 + 5 \times 0,35 &= 5 \times 0,15 + 5 \times 0,5 + 5 \times 0,35 \\ &= 5 \times (0,15 + 0,5 + 0,35) \\ &= 5 \times 1 \end{aligned}$$

= 5

Câu 2. Một mảnh đất hình thang có đáy lớn 60 m, đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn, chiều cao ngắn hơn đáy bé 10 m.

a) Tính diện tích mảnh đất hình thang đó?

b) Người ta dành 15% diện tích đất đó để làm vườn cây. Hỏi diện tích làm vườn là bao nhiêu mét vuông?

Phương pháp

a) Đáy bé = đáy lớn $\times \frac{2}{3}$

Chiều cao = đáy bé – 10 m

Diện tích mảnh đất hình thang = (đáy lớn + đáy bé) $\times$ chiều cao : 2

b) Diện tích làm vườn = Diện tích mảnh đất hình thang : 100 $\times$ số phần trăm diện tích làm vườn

Lời giải

a) Độ dài đáy bé là:

$$60 \times \frac{2}{3} = 40 \text{ (m)}$$

Chiều cao của mảnh đất là:

$$40 - 10 = 30 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình thang là:

$$(60 + 40) \times 30 : 2 = 1\,500 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Diện tích làm vườn là:

$$1\,500 : 100 \times 15 = 225 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 1 500 m²

b) 225 m²

Câu 3. Một khối ru-bích hình lập phương có cạnh 8,5 cm. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của khối ru-bích.



8,5 cm

Phương pháp

- Diện tích xung quanh của hình lập phương = cạnh x cạnh x 4
- Diện tích toàn phần của hình lập phương = cạnh x cạnh x 6

Lời giải

Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

$$8,5 \times 8,5 \times 4 = 289 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là:

$$8,5 \times 8,5 \times 6 = 433,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: Diện tích xung quanh: 289 m^2

Diện tích toàn phần: $433,5 \text{ m}^2$

Câu 4: Vào ngày nghỉ cuối tuần, ba của Thủy lái xe ô tô về quê hết 2 giờ với vận tốc 60 km/giờ. Khi trở lại thành phố, ba của Thủy đã lái xe với vận tốc trung bình 50 km/giờ. Nếu ba của Thủy rời quê lúc 3 giờ chiều thì mấy giờ sẽ về đến thành phố?

Phương pháp

Bước 1. Tìm quãng đường từ thành phố về quê

Bước 2. Tìm thời gian từ quê về thành phố

Bước 3. Thời gian về đến thành phố = thời gian xuất phát + thời gian từ quê về thị trấn

Lời giải

Quãng đường từ thành phố về quê là:

$$60 \times 2 = 120 \text{ (km)}$$

Thời gian từ quê về thành phố là:

$$120 : 50 = 2,4 \text{ (giờ)} = 2 \text{ giờ } 24 \text{ phút}$$

Nếu ba của Thủy rời quê lúc 3 giờ chiều thì về đến thành phố lúc:

$$3 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ } 24 \text{ phút} = 5 \text{ giờ } 24 \text{ phút}$$

Đáp số: 5 giờ 24 phút